

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG  
SỞ NỘI VỤ

**HỎI - ĐÁP**  
**PHÁP LUẬT VỀ**  
**TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO**

**Năm 2018**



## LỜI NÓI ĐẦU

Luật Tín ngưỡng, tôn giáo được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 18/11/2016 (sau đây gọi là Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016), gồm 09 chương, 68 điều, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2018. Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2004 hết hiệu lực kể từ ngày Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 có hiệu lực thi hành.

Để triển khai thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo, gồm 6 chương, 25 điều (sau đây gọi là Nghị định số 162/2017/NĐ-CP). Nghị định số 162/2017/NĐ-CP có hiệu lực thi hành cùng ngày với Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 (01/01/2018). Nghị định số 92/2012/NĐ-CP ngày 08/11/2012 của Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

Để giúp tín đồ các tôn giáo trên địa bàn tỉnh nắm được nội dung cơ bản của các văn bản pháp luật mới về tín ngưỡng, tôn giáo, Sở Nội vụ tỉnh Tuyên Quang biên soạn cuốn tài liệu tuyên truyền pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo dưới dạng Hỏi - đáp.

Xin trân trọng giới thiệu!

**SỞ NỘI VỤ TỈNH TUYÊN QUANG**



# **HỎI - ĐÁP**

## **PHÁP LUẬT VỀ TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO**

**1. Câu hỏi 1: Nhà nước có trách nhiệm gì trong việc bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo?**

**Đáp:**

*Điều 3 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 quy định trách nhiệm của Nhà nước trong việc bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo như sau:*

1. Nhà nước tôn trọng và bảo hộ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi người; bảo đảm để các tôn giáo bình đẳng trước pháp luật.

2. Nhà nước tôn trọng, bảo vệ giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của tín ngưỡng, tôn giáo, truyền thống thờ cúng tổ tiên, tôn vinh người có công với đất nước, với cộng đồng đáp ứng nhu cầu tinh thần của Nhân dân.

3. Nhà nước bảo hộ cơ sở tín ngưỡng, cơ sở tôn giáo và tài sản hợp pháp của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo.

**2. Câu hỏi 2: Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 nghiêm cấm những hành vi nào?**

**Đáp:**

*Điều 5 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 quy định các hành vi bị nghiêm cấm bao gồm:*

1. Phân biệt đối xử, kỳ thị vì lý do tín ngưỡng, tôn giáo.

2. Ép buộc, mua chuộc hoặc cản trở người khác theo hoặc không theo tín ngưỡng, tôn giáo.

3. Xúc phạm tín ngưỡng, tôn giáo.

4. Hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo:

a) Xâm phạm quốc phòng, an ninh, chủ quyền quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, môi trường;

b) Xâm hại đạo đức xã hội; xâm phạm thân thể, sức khỏe, tính mạng, tài sản; xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người khác;

c) Cản trở việc thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân;

d) Chia rẽ dân tộc; chia rẽ tôn giáo; chia rẽ người theo tín ngưỡng, tôn giáo với người không theo tín ngưỡng, tôn giáo, giữa những người theo các tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau.

5. Lợi dụng hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo để trục lợi.

**3. Câu hỏi 3: Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi người được quy định như thế nào?**

**Đáp:**

*Điều 6 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 quy định quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi người như sau:*

1. Mọi người có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào.

2. Mỗi người có quyền bày tỏ niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo; thực hành lễ nghi tín ngưỡng, tôn giáo; tham gia lễ hội; học tập và thực hành giáo lý, giáo luật tôn giáo.

3. Mỗi người có quyền vào tu tại cơ sở tôn giáo, học tại cơ sở đào tạo tôn giáo, lớp bồi dưỡng của tổ chức tôn giáo. Người chưa thành niên khi vào tu tại cơ sở tôn giáo, học tại cơ sở đào tạo tôn giáo phải được cha, mẹ hoặc người giám hộ đồng ý.

4. Chức sắc, chức việc, nhà tu hành có quyền thực hiện lễ nghi tôn giáo, giảng đạo, truyền đạo tại cơ sở tôn giáo hoặc địa điểm hợp pháp khác.

5. Người bị tạm giữ, người bị tạm giam theo quy định của pháp luật về thi hành tạm giữ, tạm giam; người đang chấp hành hình phạt tù; người đang chấp hành biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc có quyền sử dụng kinh sách, bày tỏ niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo.

6. Chính phủ quy định chi tiết việc bảo đảm thực hiện các quyền quy định tại Khoản 5 Điều này.

**4. Câu hỏi 4: Quyền sử dụng kinh sách, bày tỏ niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo theo quy định tại Khoản 5 Điều 6 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 được quy định như thế nào?**

**Đáp:**

*Điều 4 Nghị định số 162/2017/NĐ-CP quy định việc sử dụng kinh sách, bày tỏ niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo theo quy định tại Khoản 5 Điều 6 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 như sau:*

1. Người bị tạm giữ, người bị tạm giam theo quy định của pháp luật về thi hành tạm giữ, tạm giam; người đang chấp hành hình phạt tù; người đang chấp hành biện pháp đưa vào trường

giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc (sau đây gọi là người bị quản lý, giam giữ) được sử dụng kinh sách xuất bản dưới hình thức sách in, phát hành hợp pháp để phục vụ nhu cầu sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo của cá nhân và được thể hiện niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo bằng lời nói hoặc hành vi của cá nhân theo quy định của pháp luật về nhà tạm giữ, trại tạm giam, trại giam, trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc (sau đây gọi là cơ sở quản lý, giam giữ).

2. Việc sử dụng kinh sách, bày tỏ niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo của người bị quản lý, giam giữ tại cơ sở quản lý, giam giữ không được làm ảnh hưởng đến quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và quyền tự do không tín ngưỡng, tôn giáo của người khác và không trái với quy định của pháp luật có liên quan.

3. Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm hướng dẫn cách thức quản lý kinh sách, thời gian, địa điểm sử dụng kinh sách và bày tỏ niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo cho người bị quản lý, giam giữ tại cơ sở quản lý, giam giữ.

**5. Câu hỏi 5: Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc được quy định như thế nào?**

**Đáp:**

*Điều 7 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 quy định quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc như sau:*



1. Hoạt động tôn giáo theo hiến chương, điều lệ và văn bản có nội dung tương tự (sau đây gọi chung là hiến chương) của tổ chức tôn giáo.

2. Tổ chức sinh hoạt tôn giáo.

3. Xuất bản kinh sách và xuất bản phẩm khác về tôn giáo.

4. Sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm tôn giáo, đồ dùng tôn giáo.

5. Cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới cơ sở tôn giáo.

6. Nhận tài sản hợp pháp do tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài tự nguyện tặng cho.

7. Các quyền khác theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

**6. Câu hỏi 6: Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam được quy định như thế nào?**

**Đáp:**

*Điều 8 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 quy định quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam như sau:*

1. Người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam được Nhà nước Việt Nam tôn trọng và bảo hộ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo.

2. Người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam có quyền:

a) Sinh hoạt tôn giáo, tham gia hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo;

b) Sử dụng địa điểm hợp pháp để sinh hoạt tôn giáo tập trung;

c) Mời chức sắc, chức việc, nhà tu hành là người Việt Nam thực hiện lễ nghi tôn giáo, giảng đạo; mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài giảng đạo;

d) Vào tu tại cơ sở tôn giáo, học tại cơ sở đào tạo tôn giáo, lớp bồi dưỡng về tôn giáo của tổ chức tôn giáo ở Việt Nam;

đ) Mang theo xuất bản phẩm tôn giáo, đồ dùng tôn giáo để phục vụ nhu cầu sinh hoạt tôn giáo theo quy định của pháp luật Việt Nam.

3. Chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam được giảng đạo tại cơ sở tôn giáo hoặc địa điểm hợp pháp khác ở Việt Nam.

### **7. Câu hỏi 7: Tổ chức, cá nhân có nghĩa vụ gì trong thực hiện quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo?**

**Đáp:**

*Điều 9 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 quy định nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong thực hiện quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo như sau:*

1. Tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo phải tuân thủ Hiến pháp, Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Chức sắc, chức việc, nhà tu hành, người đại diện, ban quản lý cơ sở tín ngưỡng có trách nhiệm hướng dẫn tín đồ, người tham gia hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo thực hiện

hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo đúng quy định của pháp luật.

**8. Câu hỏi 8: Tổ chức hoạt động tín ngưỡng phải tuân theo nguyên tắc nào?**

**Đáp:**

*Điều 10 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 quy định nguyên tắc tổ chức hoạt động tín ngưỡng như sau:*

1. Hoạt động tín ngưỡng, lễ hội tín ngưỡng phải bảo đảm bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

2. Việc tổ chức hoạt động tín ngưỡng, lễ hội tín ngưỡng phải bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội, tiết kiệm, bảo vệ môi trường.

**9. Câu hỏi 9: Tổ chức đáp ứng những điều kiện nào thì được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo?**

**Đáp:**

*Điều 18 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 quy định về điều kiện để tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo; theo đó tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:*

1. Có giáo lý, giáo luật, lễ nghi;
2. Có tôn chỉ, mục đích, quy chế hoạt động không trái với quy định của pháp luật;
3. Tên của tổ chức không trùng với tên tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức đã được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn

giáo, tên tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội hoặc tên danh nhân, anh hùng dân tộc;

4. Người đại diện, người lãnh đạo tổ chức là công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; không trong thời gian bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo; không có án tích hoặc không phải là người đang bị buộc tội theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự;

5. Có địa điểm hợp pháp để đặt trụ sở;

6. Nội dung hoạt động tôn giáo không thuộc trường hợp quy định tại Điều 5 (các hành vi bị nghiêm cấm) của Luật này.

**10. Câu hỏi 10: Hồ sơ đăng ký hoạt động tôn giáo gồm những gì?**

**Đáp:**

Tổ chức có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 18 của Luật này gửi hồ sơ đăng ký hoạt động tôn giáo đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Khoản 3 Điều 19 của Luật này.

*Khoản 2 Điều 19 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 quy định Hồ sơ đăng ký hoạt động tôn giáo gồm:*

a) Văn bản đăng ký nêu rõ tên tổ chức; tên tôn giáo; tôn chỉ, mục đích; nội dung, địa bàn hoạt động; nguồn gốc hình thành, quá trình phát triển ở Việt Nam; họ và tên người đại diện tổ chức; số lượng người tin theo; cơ cấu tổ chức, địa điểm dự kiến đặt trụ sở;

b) Danh sách, sơ yếu lý lịch, phiếu lý lịch tư pháp, bản tóm tắt quá trình hoạt động tôn giáo của người đại diện và những người dự kiến lãnh đạo tổ chức;

c) Bản tóm tắt giáo lý, giáo luật, lễ nghi;

d) Quy chế hoạt động của tổ chức;

đ) Giấy tờ chứng minh có địa điểm hợp pháp để đặt trụ sở.

*\*/ Đối với tổ chức đã được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo trước ngày 01/01/2018, thì không phải làm thủ tục đăng ký lại theo quy định tại Điều 19 này (Khoản 1 Điều 67 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016).*

**11. Câu hỏi 11: Thẩm quyền cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo được quy định như thế nào? Sau khi được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo, tổ chức được thực hiện những hoạt động gì?**

**Đáp:**

*\*/ Khoản 3 Điều 19 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 quy định thẩm quyền cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo như sau:*

a) Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động ở một tỉnh trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; trường hợp từ chối cấp chứng nhận đăng ký phải nêu rõ lý do;

b) Cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; trường hợp từ chối cấp chứng nhận đăng ký phải nêu rõ lý do.

*\*/ Khoản 1, 2 Điều 20 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 quy định sau khi được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo, tổ chức được thực hiện các hoạt động sau đây:*

- a) Tổ chức các cuộc lễ tôn giáo, sinh hoạt tôn giáo, giảng đạo, bồi dưỡng giáo lý;
- b) Bổ nhiệm, bầu cử, suy cử chức việc;
- c) Sửa chữa, cải tạo trụ sở;
- d) Tham gia hoạt động từ thiện, nhân đạo;
- đ) Tổ chức đại hội thông qua hiến chương.

Khi thực hiện hoạt động quy định nêu trên, tổ chức phải tuân thủ quy định của Luật này, quy định khác của pháp luật có liên quan.

**12. Câu hỏi 12: Người đại diện, ban quản lý cơ sở tín ngưỡng được quy định như thế nào?**

**Đáp:**

*Điều 11 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 quy định về người đại diện, ban quản lý cơ sở tín ngưỡng như sau:*

1. Cơ sở tín ngưỡng phải có người đại diện hoặc ban quản lý để chịu trách nhiệm trước pháp luật về các hoạt động diễn ra tại cơ sở tín ngưỡng.

2. Người đại diện hoặc thành viên ban quản lý cơ sở tín ngưỡng phải là công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, có uy tín trong cộng đồng dân cư.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có cơ sở tín ngưỡng phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp tổ chức để cộng đồng dân cư bầu, cử người đại diện hoặc thành viên ban

quản lý. Căn cứ kết quả bầu, cử và các điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản công nhận người đại diện hoặc thành viên ban quản lý cơ sở tín ngưỡng trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày bầu, cử.

4. Việc bầu, cử người đại diện hoặc thành lập ban quản lý cơ sở tín ngưỡng đã được xếp hạng là di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh thực hiện theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa.

5. Việc bầu, cử người đại diện hoặc thành lập ban quản lý nhà thờ dòng họ không phải thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều này.

**13. Câu hỏi 13: Đăng ký hoạt động tín ngưỡng được quy định như thế nào?**

**Đáp:**

*Điều 12 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 quy định về đăng ký hoạt động tín ngưỡng như sau:*

1. Hoạt động tín ngưỡng của cơ sở tín ngưỡng phải được đăng ký, trừ cơ sở tín ngưỡng là nhà thờ dòng họ.

2. Người đại diện hoặc ban quản lý cơ sở tín ngưỡng có trách nhiệm gửi văn bản đăng ký đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có cơ sở tín ngưỡng chậm nhất là 30 ngày trước ngày cơ sở tín ngưỡng bắt đầu hoạt động tín ngưỡng, trừ trường hợp quy định tại Điều 14 của Luật này.

Văn bản đăng ký nêu rõ tên cơ sở tín ngưỡng, các hoạt động tín ngưỡng, nội dung, quy mô, thời gian, địa điểm diễn ra hoạt động.

Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đăng ký hợp lệ; trường hợp từ chối đăng ký phải nêu rõ lý do.

3. Hoạt động tín ngưỡng không có trong văn bản đã được đăng ký thì người đại diện hoặc ban quản lý cơ sở tín ngưỡng có trách nhiệm đăng ký bổ sung theo quy định tại Khoản 2 Điều này chậm nhất là 20 ngày trước ngày diễn ra hoạt động tín ngưỡng.

**14. Câu hỏi 14: Tổ chức lễ hội tín ngưỡng định kỳ được quy định như thế nào?**

**Đáp:**

*Điều 13 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 quy định về tổ chức lễ hội tín ngưỡng định kỳ như sau:*

1. Người đại diện, ban quản lý cơ sở tín ngưỡng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về việc tổ chức lễ hội tín ngưỡng diễn ra định kỳ chậm nhất là 20 ngày trước ngày tổ chức lễ hội đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định sau đây:

a) Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tổ chức lễ hội có trách nhiệm tiếp nhận thông báo đối với lễ hội tín ngưỡng có quy mô tổ chức trong một xã, phường, thị trấn;

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi tổ chức lễ hội có trách nhiệm tiếp nhận thông báo đối với lễ hội tín ngưỡng có quy mô tổ chức trong nhiều xã thuộc một huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương;

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức lễ hội có trách nhiệm tiếp nhận thông báo đối với lễ hội tín ngưỡng có quy mô



tổ chức trong nhiều huyện thuộc một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

2. Văn bản thông báo nêu rõ tên lễ hội tín ngưỡng, nội dung, quy mô, thời gian, địa điểm tổ chức, dự kiến thành viên ban tổ chức và các điều kiện cần thiết để bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ môi trường trong lễ hội.

3. Việc tổ chức lễ hội tín ngưỡng định kỳ tại cơ sở tín ngưỡng là di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng thực hiện theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa.

4. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Khoản 1 Điều này có trách nhiệm bảo đảm việc tổ chức lễ hội tín ngưỡng theo nội dung thông báo.

**15. Câu hỏi 15: Tổ chức lễ hội tín ngưỡng lần đầu, lễ hội tín ngưỡng được khôi phục hoặc lễ hội tín ngưỡng định kỳ nhưng có thay đổi được quy định như thế nào?**

**Đáp:**

*Điều 14 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 quy định về tổ chức lễ hội tín ngưỡng lần đầu, lễ hội tín ngưỡng được khôi phục hoặc lễ hội tín ngưỡng định kỳ nhưng có thay đổi như sau:*

1. Trước khi tổ chức lễ hội tín ngưỡng lần đầu, lễ hội tín ngưỡng được khôi phục sau thời gian gián đoạn hoặc lễ hội tín ngưỡng được tổ chức định kỳ nhưng có thay đổi về quy mô, nội dung, thời gian, địa điểm thì người đại diện hoặc ban quản lý cơ sở tín ngưỡng có trách nhiệm gửi văn bản đăng ký đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức lễ hội.

Văn bản đăng ký nêu rõ tên lễ hội, nội dung lễ hội hoặc nội dung thay đổi so với trước, quy mô, thời gian, địa điểm tổ chức, dự kiến thành viên ban tổ chức và các điều kiện cần thiết để bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ môi trường trong lễ hội.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đăng ký hợp lệ; trường hợp từ chối đăng ký phải nêu rõ lý do.

**16. Câu hỏi 16: Khoản thu từ việc tổ chức lễ hội tín ngưỡng được quản lý, sử dụng như thế nào?**

**Đáp:**

*Điều 15 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 quy định về quản lý, sử dụng khoản thu từ việc tổ chức lễ hội tín ngưỡng như sau:*

1. Người đại diện hoặc ban quản lý cơ sở tín ngưỡng có trách nhiệm quản lý và sử dụng đúng mục đích, công khai, minh bạch khoản thu từ việc tổ chức lễ hội.

2. Chậm nhất là 20 ngày kể từ ngày kết thúc lễ hội, người đại diện hoặc ban quản lý cơ sở tín ngưỡng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về khoản thu, mục đích sử dụng khoản thu đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Khoản 1 Điều 13 của Luật này.

**17. Câu hỏi 17: Đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung phải đáp ứng các điều kiện gì?**

**Đáp:**

*Điều 16 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 quy định về điều kiện đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung như sau:*

1. Tổ chức tôn giáo đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung cho tín đồ tại những nơi chưa đủ điều kiện thành lập tổ chức tôn giáo trực thuộc; tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung cho những người thuộc tổ chức khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- a) Có địa điểm hợp pháp để sinh hoạt tôn giáo;
- b) Nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung có người đại diện là công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; không trong thời gian bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo; không có án tích hoặc không phải là người đang bị buộc tội theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự;
- c) Nội dung sinh hoạt tôn giáo không thuộc trường hợp quy định tại Điều 5 của Luật này.

2. Những người theo tôn giáo không thuộc trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này được đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung khi đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều này và các điều kiện sau đây:

- a) Có giáo lý, giáo luật;
- b) Tên của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung không trùng với tên tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức đã được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo, tên tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội hoặc tên danh nhân, anh hùng dân tộc.

**18. Câu hỏi 18: Trình tự, thủ tục, thẩm quyền chấp thuận đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung được quy định như thế nào?**

## **Đáp:**

*Điều 17 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 quy định về trình tự, thủ tục, thẩm quyền chấp thuận đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung như sau:*

1. Tổ chức tôn giáo, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo hoặc người đại diện của nhóm người theo tôn giáo trong trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 16 của Luật này gửi hồ sơ đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có địa điểm hợp pháp để sinh hoạt tôn giáo.

2. Hồ sơ đăng ký gồm:

a) Văn bản đăng ký nêu rõ tên tổ chức đăng ký; tên tôn giáo; họ và tên, nơi cư trú của người đại diện; nội dung, địa điểm, thời gian sinh hoạt tôn giáo, số lượng người tham gia;

b) Giấy tờ chứng minh có địa điểm hợp pháp để làm nơi sinh hoạt tôn giáo;

c) Sơ yếu lý lịch của người đại diện nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung;

d) Bản tóm tắt giáo lý, giáo luật đối với việc đăng ký quy định tại Khoản 2 Điều 16 của Luật này.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đăng ký hợp lệ; trường hợp từ chối đăng ký phải nêu rõ lý do.

\*/ Đối với nhóm người đã được chấp thuận đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung trước ngày 01/01/2018, không phải làm

thủ tục đăng ký, công nhận lại theo quy định tại Điều này (*Khoản 1 Điều 67 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016*).

**19. Câu hỏi 19: Việc thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung phải thực hiện theo trình tự, thủ tục như thế nào?**

**Đáp:**

*Điều 5 Nghị định số 162/2017/NĐ-CP quy định về trình tự, thủ tục thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung như sau:*

1. Trước khi thay đổi người đại diện, nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung có trách nhiệm gửi hồ sơ đăng ký đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung.

Hồ sơ đăng ký gồm:

a) Văn bản đăng ký nêu rõ tên của tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo; tên tôn giáo; tên nhóm, họ và tên, nơi cư trú của người đại diện cũ và người đại diện mới của nhóm; lý do, dự kiến thời điểm thay đổi;

b) Sơ yếu lý lịch của người đại diện mới;

c) Văn bản chấp thuận của tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo về việc thay đổi người đại diện đối với nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung do tổ chức đăng ký;

d) Biên bản cuộc họp bầu, cử người đại diện mới (nếu có).

2. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đăng ký

hợp lệ; trường hợp từ chối đăng ký phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**20. Câu hỏi 20: Hồ sơ đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung được quy định như thế nào?**

**Đáp:**

*Khoản 1, 2 Điều 6 Nghị định số 162/2017/NĐ-CP quy định về Hồ sơ đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung như sau:*

1. Trước khi thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã, người đại diện của nhóm có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị đến Ủy ban nhân dân cấp xã.

Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị nêu rõ tên của tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo; tên tôn giáo; tên nhóm; họ và tên người đại diện của nhóm; lý do, dự kiến thời điểm thay đổi; địa điểm nhóm đang sinh hoạt tôn giáo và dự kiến địa điểm mới;

b) Giấy tờ chứng minh có địa điểm hợp pháp mới để làm nơi sinh hoạt tôn giáo;

c) Văn bản chấp thuận của tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo về việc thay đổi địa điểm đối với nhóm sinh hoạt tôn giáo do tổ chức đăng ký.

2. Trước khi thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác, người đại diện của nhóm có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có địa điểm mới.

Hồ sơ đề nghị thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều này kèm theo bản sao có chứng thực văn bản chấp thuận đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung lần đầu.

**21. Câu hỏi 21: Thẩm quyền chấp thuận thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung được quy định như thế nào?**

**Đáp:**

*Khoản 3 Điều 6 Nghị định số 162/2017/NĐ-CP quy định về thẩm quyền chấp thuận thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung như sau:*

a) Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự kiến đặt địa điểm mới để sinh hoạt tôn giáo tập trung theo quy định tại Khoản 1 Điều này có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về việc thay đổi địa điểm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ; trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự kiến đặt địa điểm mới để sinh hoạt tôn giáo tập trung theo quy định tại Khoản 2 Điều này, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ có trách nhiệm xin ý kiến Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung.

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến hợp lệ của Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm trả lời bằng văn bản. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm trả lời bằng văn

bản về việc thay đổi địa điểm; trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**22. Câu hỏi 22: Việc chấm dứt sinh hoạt tôn giáo tại địa điểm cũ của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung được quy định như thế nào?**

**Đáp:**

*Khoản 4 Điều 6 Nghị định số 162/2017/NĐ-CP quy định:*

Chậm nhất 10 ngày kể từ ngày được chấp thuận địa điểm mới, nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung phải chấm dứt sinh hoạt tôn giáo tại địa điểm cũ và có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung cũ. Trường hợp nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung chuyển địa điểm sinh hoạt tôn giáo đến địa bàn xã khác, người đại diện của nhóm còn có trách nhiệm gửi kèm bản sao có chứng thực văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung mới.

Văn bản thông báo nêu rõ tên của tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo; tên nhóm; họ và tên người đại diện của nhóm; thời điểm thay đổi; địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung mới; thời điểm chấm dứt sinh hoạt tôn giáo tại địa điểm cũ.

**23. Câu hỏi 23: Để được công nhận là tổ chức tôn giáo thì tổ chức đã được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo phải đáp ứng những điều kiện nào?**

**Đáp:**



*Theo quy định tại Điều 21 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016, tổ chức đã được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo được công nhận là tổ chức tôn giáo khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:*

1. Hoạt động ổn định, liên tục từ đủ 05 năm trở lên kể từ ngày được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo;

2. Có hiến chương theo quy định tại Điều 23 của Luật này;

3. Người đại diện, người lãnh đạo tổ chức là công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; không trong thời gian bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo; không có án tích hoặc không phải là người đang bị buộc tội theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự;

4. Có cơ cấu tổ chức theo hiến chương;

5. Có tài sản độc lập với cá nhân, tổ chức khác và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản của mình;

6. Nhân danh tổ chức tham gia quan hệ pháp luật một cách độc lập.

*\*/ Đối với tổ chức đã được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo trước ngày 01/01/2018, thì thời gian để công nhận là tổ chức tôn giáo theo quy định tại Khoản 1 Điều 21 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 được tính từ khi tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo (Khoản 3 Điều 67 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016).*

**24. Câu hỏi 24: Hồ sơ đề nghị công nhận tổ chức tôn giáo được quy định như thế nào?**

**Đáp:**

Đề được công nhận là tổ chức tôn giáo, tổ chức đủ điều kiện theo quy định tại Điều 21 của Luật này phải gửi hồ sơ đề nghị công nhận tổ chức tôn giáo đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Khoản 3 Điều này.

*Khoản 2 Điều 22 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 quy định Hồ sơ đề nghị gồm:*

a) Văn bản đề nghị nêu rõ tên tổ chức đề nghị công nhận, tên giao dịch quốc tế (nếu có); tên tôn giáo; họ và tên người đại diện tổ chức; số lượng tín đồ, địa bàn hoạt động của tổ chức tại thời điểm đề nghị; cơ cấu tổ chức, trụ sở của tổ chức;

b) Văn bản tóm tắt quá trình hoạt động của tổ chức từ khi được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo;

c) Danh sách, sơ yếu lý lịch, phiếu lý lịch tư pháp, bản tóm tắt quá trình hoạt động tôn giáo của người đại diện và những người dự kiến lãnh đạo tổ chức;

d) Bản tóm tắt giáo lý, giáo luật, lễ nghi;

đ) Hiến chương của tổ chức;

e) Bản kê khai tài sản hợp pháp của tổ chức;

g) Giấy tờ chứng minh có địa điểm hợp pháp để đặt trụ sở.

\*/ Đối với tổ chức đã được công nhận tổ chức tôn giáo trước ngày 01/01/2018, thì không phải làm thủ tục công nhận lại theo quy định tại Điều này (*Khoản 1 Điều 67 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016*).

**25. Câu hỏi 25: Thẩm quyền công nhận tổ chức tôn giáo được quy định như thế nào?**

**Đáp:**

*Khoản 3 Điều 22 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 quy định thẩm quyền công nhận tổ chức tôn giáo như sau:*

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định công nhận tổ chức tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động ở một tỉnh trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; trường hợp không công nhận phải nêu rõ lý do;

b) Cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương quyết định công nhận tổ chức tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; trường hợp không công nhận phải nêu rõ lý do.

**26. Câu hỏi 26: Hiến chương và việc sửa đổi hiến chương của tổ chức tôn giáo được quy định như thế nào?**

**Đáp:**

*\*/ Theo quy định tại Điều 23 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016, Hiến chương của tổ chức tôn giáo có những nội dung cơ bản sau đây:*

1. Tên của tổ chức;
2. Tôn chỉ, mục đích, nguyên tắc hoạt động;
3. Địa bàn hoạt động, trụ sở chính;
4. Tài chính, tài sản;
5. Người đại diện theo pháp luật, mẫu con dấu;

6. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc;

7. Nhiệm vụ, quyền hạn của ban lãnh đạo tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc;

8. Điều kiện, tiêu chuẩn, thẩm quyền, cách thức phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử, thuyên chuyển, cách chức, bãi nhiệm chức sắc, chức việc, nhà tu hành;

9. Điều kiện, thẩm quyền, cách thức giải thể tổ chức tôn giáo; thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc;

10. Việc tổ chức hội nghị, đại hội; thể thức thông qua quyết định, sửa đổi, bổ sung hiến chương; nguyên tắc, phương thức giải quyết tranh chấp nội bộ của tổ chức;

11. Quan hệ giữa tổ chức tôn giáo với tổ chức tôn giáo trực thuộc, giữa tổ chức tôn giáo với tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

*\*/ Việc sửa đổi hiến chương được quy định tại Điều 24 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 như sau:*

1. Tổ chức tôn giáo khi sửa đổi hiến chương phải đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Khoản 3 Điều 22 của Luật này. Văn bản đăng ký nêu rõ tên tổ chức tôn giáo, người đại diện, nội dung, lý do sửa đổi kèm theo hiến chương sửa đổi.

2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được

văn bản đăng ký hợp lệ; trường hợp từ chối đăng ký phải nêu rõ lý do.

3. Tổ chức tôn giáo được hoạt động theo hiến chương sửa đổi kể từ ngày được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

**27. Câu hỏi 27: Tên của tổ chức tôn giáo được quy định như thế nào?**

**Đáp:**

*Điều 25 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 quy định tên của tổ chức tôn giáo như sau:*

1. Tổ chức tôn giáo phải có tên bằng tiếng Việt.
2. Tên của tổ chức tôn giáo không trùng với tên tổ chức tôn giáo khác hoặc tổ chức khác đã được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo, tên tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội hoặc tên danh nhân, anh hùng dân tộc.
3. Tên của tổ chức tôn giáo được sử dụng trong quan hệ với tổ chức, cá nhân khác.
4. Tên của tổ chức tôn giáo được pháp luật công nhận và bảo vệ.
5. Tổ chức tôn giáo thay đổi tên phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Khoản 3 Điều 22 của Luật này chấp thuận.
6. Tổ chức tôn giáo trực thuộc thay đổi tên thì tổ chức tôn giáo có trách nhiệm đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Khoản 3 Điều 29 của Luật này chấp thuận.

**28. Câu hỏi 28: Thay đổi tên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc phải thực hiện theo trình tự, thủ tục như thế nào?**

**Đáp:**

*Điều 7 Nghị định số 162/2017/NĐ-CP quy định trình tự, thủ tục thay đổi tên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc như sau:*

1. Trước khi thay đổi tên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức tôn giáo có trách nhiệm gửi văn bản đề nghị đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Khoản 2 Điều này.

Văn bản đề nghị nêu rõ tên, trụ sở, người đại diện của tổ chức tôn giáo; tên tổ chức tôn giáo hoặc tên tổ chức tôn giáo trực thuộc trước và sau khi thay đổi; lý do, dự kiến thời điểm thay đổi kèm theo bản sao có chứng thực quyết định công nhận tổ chức tôn giáo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với trường hợp thay đổi tên của tổ chức tôn giáo; bản sao có chứng thực văn bản chấp thuận thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và văn bản thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc của tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc quản lý trực tiếp đối với trường hợp thay đổi tên của tổ chức tôn giáo trực thuộc.

2. Thẩm quyền chấp thuận thay đổi tên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc:

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về việc thay đổi tên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn

giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị hợp lệ; trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

b) Cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về việc thay đổi tên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị hợp lệ; trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**29. Câu hỏi 29: Thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo được quy định như thế nào?**

**Đáp:**

*\*/ Điều 26 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 quy định về thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo như sau:*

1. Tổ chức tôn giáo khi thay đổi trụ sở phải được sự chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt trụ sở mới và phải thông báo bằng văn bản đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Khoản 3 Điều 22 của Luật này.

2. Tổ chức tôn giáo trực thuộc khi thay đổi trụ sở phải được sự chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt trụ sở mới và thông báo bằng văn bản đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Khoản 3 Điều 29 của Luật này.

*\*/ Trình tự, thủ tục thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc được quy định tại Điều 8 Nghị định số 162/2017/NĐ-CP như sau:*

1. Trước khi thay đổi trụ sở, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt trụ sở mới.

Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị nêu rõ tên, trụ sở, người đại diện của tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc; lý do, dự kiến thời điểm thay đổi; trụ sở của tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc trước và sau khi thay đổi;

b) Bản sao có chứng thực quyết định công nhận tổ chức tôn giáo đối với trường hợp thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo đến địa bàn tỉnh khác hoặc bản sao có chứng thực văn bản chấp thuận thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và văn bản thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc của tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc quản lý trực tiếp đối với trường hợp thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo trực thuộc đến địa bàn tỉnh khác;

c) Văn bản chấp thuận của tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc quản lý trực tiếp tổ chức tôn giáo trực thuộc về việc thay đổi địa điểm;

d) Giấy tờ chứng minh có địa điểm hợp pháp để đặt trụ sở mới.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt trụ sở mới có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về việc thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề



ngộ hợp lệ; trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Chậm nhất 10 ngày kể từ ngày chuyển đến trụ sở mới, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc quy định tại Khoản 1 Điều này có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về việc thay đổi trụ sở đến cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt trụ sở cũ.

Văn bản thông báo nêu rõ tên tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc; họ và tên người đại diện của tổ chức; lý do, thời điểm thay đổi; trụ sở của tổ chức trước và sau khi thay đổi kèm theo bản sao có chứng thực văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt trụ sở mới.

4. Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh khi thay đổi trụ sở có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị theo quy định tại điểm a, c và d Khoản 1 Điều này đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về việc thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ; trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**30. Câu hỏi 30: Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có được thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất các tổ chức tôn giáo trực thuộc không? Việc thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc phải đáp ứng những điều kiện nào?**

**Đáp:**

*\*/ Theo quy định tại Khoản 1 Điều 27 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc được thành lập tổ chức tôn giáo trực thuộc; chia, tách tổ chức tôn giáo trực thuộc thành nhiều tổ chức tôn giáo trực thuộc mới; sáp nhập tổ chức tôn giáo trực thuộc vào một tổ chức tôn giáo trực thuộc khác; hợp nhất các tổ chức tôn giáo trực thuộc thành một tổ chức tôn giáo trực thuộc mới.*

*\*/ Điều 28 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 quy định tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc được thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:*

1. Hiến chương của tổ chức tôn giáo có quy định về việc thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc;

2. Hoạt động của tổ chức tôn giáo trực thuộc trước khi chia, tách, sáp nhập, hợp nhất không thuộc trường hợp quy định tại Điều 5 của Luật này;

3. Có địa điểm hợp pháp để đặt trụ sở.

**31. Câu hỏi 31: Hồ sơ đề nghị thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc được quy định như thế nào?**

**Đáp:**

*Theo quy định tại Khoản 1, 2 Điều 29 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016:*

1. Trước khi thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực

thuộc có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Khoản 3 Điều này.

2. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị nêu rõ lý do; tên tổ chức đề nghị; tên tổ chức tôn giáo trực thuộc dự kiến thành lập; tên tổ chức, người đại diện tổ chức trước và sau khi chia, tách, sáp nhập, hợp nhất; địa bàn hoạt động, số lượng tín đồ của tổ chức tôn giáo trực thuộc tại thời điểm thành lập; địa bàn hoạt động, số lượng tín đồ của tổ chức tôn giáo trực thuộc trước và sau khi chia, tách, sáp nhập, hợp nhất; cơ cấu tổ chức, địa điểm dự kiến đặt trụ sở của tổ chức tôn giáo trực thuộc sau khi thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất;

b) Văn bản tóm tắt quá trình hoạt động của tổ chức tôn giáo trực thuộc trước khi chia, tách, sáp nhập, hợp nhất;

c) Danh sách, sơ yếu lý lịch, phiếu lý lịch tư pháp, bản tóm tắt quá trình hoạt động tôn giáo của người đại diện và những người dự kiến lãnh đạo tổ chức tôn giáo trực thuộc;

d) Hiến chương của tổ chức tôn giáo trực thuộc (nếu có);

đ) Bản kê khai tài sản hợp pháp của tổ chức tôn giáo trực thuộc;

e) Giấy tờ chứng minh có địa điểm hợp pháp để đặt trụ sở.

\*/ Tổ chức tôn giáo trực thuộc đã được thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất trước ngày 01/01/2018 không phải làm thủ tục đề nghị, đăng ký lại theo quy định tại Điều này (*Khoản 2 Điều 67 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016*).

**32. Câu hỏi 32: Thẩm quyền chấp thuận hoặc không chấp thuận thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc được quy định như thế nào?**

**Đáp:**

*Khoản 3 Điều 29 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 quy định thẩm quyền chấp thuận thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc như sau:*

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về việc thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất đối với tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do;

b) Cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về việc thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất đối với tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do.

4. Sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có văn bản thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc.

Hết thời hạn 01 năm kể từ ngày được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận, nếu tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc không thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc thì văn bản chấp thuận hết hiệu lực.

**33. Câu hỏi 33: Sau khi chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, quyền và nghĩa vụ của tổ chức tôn giáo trực thuộc bị chia, tách, sáp nhập, hợp nhất được xác định như thế nào?**

**Đáp:**

*Khoản 2, 3, 4, 5 Điều 27 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 quy định quyền và nghĩa vụ của tổ chức tôn giáo trực thuộc sau khi bị chia, tách, sáp nhập, hợp nhất như sau:*

Sau khi chia, tổ chức tôn giáo trực thuộc bị chia chấm dứt tồn tại; quyền, nghĩa vụ của tổ chức tôn giáo trực thuộc bị chia được chuyển giao cho các tổ chức tôn giáo trực thuộc mới.

Sau khi tách, tổ chức tôn giáo trực thuộc bị tách và tổ chức tôn giáo trực thuộc được tách thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình phù hợp với mục đích hoạt động.

Sau khi sáp nhập, tổ chức tôn giáo trực thuộc bị sáp nhập chấm dứt tồn tại; quyền và nghĩa vụ của tổ chức tôn giáo trực thuộc bị sáp nhập được chuyển giao cho tổ chức tôn giáo trực thuộc mà tổ chức đó được sáp nhập vào.

Sau khi hợp nhất, các tổ chức tôn giáo trực thuộc cũ chấm dứt tồn tại kể từ thời điểm tổ chức tôn giáo trực thuộc mới được thành lập; quyền và nghĩa vụ của tổ chức tôn giáo trực thuộc cũ được chuyển giao cho tổ chức tôn giáo trực thuộc mới.

**34. Câu hỏi 34: Tư cách pháp nhân của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc được quy định như thế nào?**

**Đáp:**

*\*/ Điều 30 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 quy định về tư cách pháp nhân của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc như sau:*

1. Tổ chức tôn giáo là pháp nhân phi thương mại kể từ ngày được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận.

2. Tổ chức tôn giáo đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Khoản 3 Điều 29 của Luật này cấp đăng ký pháp nhân phi thương mại cho tổ chức tôn giáo trực thuộc khi đáp ứng các điều kiện quy định tại các khoản 5 và 6 Điều 21 của Luật này.

3. Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục cấp đăng ký pháp nhân đối với tổ chức tôn giáo trực thuộc.

*\*/ Tổ chức tôn giáo đã được công nhận trước ngày 01/01/2018 là pháp nhân phi thương mại kể từ ngày 01/01/2018. Các tổ chức tôn giáo này có trách nhiệm điều chỉnh hiến chương tại đại hội gần nhất theo quy định tại Điều 23 và đăng ký hiến chương sửa đổi theo quy định tại Điều 24 của Luật này (Khoản 4 Điều 67 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016).*

**35. Câu hỏi 35: Hồ sơ đề nghị cấp đăng ký pháp nhân phi thương mại cho tổ chức tôn giáo trực thuộc gồm những gì? Thẩm quyền cấp đăng ký pháp nhân phi thương mại được quy định như thế nào?**

**Đáp:**

*\*/ Khoản 1 Điều 9 Nghị định số 162/2017/NĐ-CP quy định tổ chức tôn giáo đề nghị cấp đăng ký pháp nhân phi thương mại cho tổ chức tôn giáo trực thuộc có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Khoản 2 Điều này.*

Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị nêu rõ tên, trụ sở, người đại diện của tổ chức tôn giáo; tên, trụ sở, địa bàn hoạt động, cơ cấu tổ chức, số lượng tín đồ, chức sắc, chức việc, nhà tu hành tại thời điểm đề nghị; họ và tên người đại diện của tổ chức tôn giáo trực thuộc được đề nghị cấp đăng ký;

b) Bản tóm tắt quá trình hoạt động tôn giáo của tổ chức tôn giáo trực thuộc từ khi được thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất;

c) Danh sách, sơ yếu lý lịch, phiếu lý lịch tư pháp, bản tóm tắt quá trình hoạt động tôn giáo của người đại diện và những người lãnh đạo của tổ chức tôn giáo trực thuộc;

d) Bản kê khai và giấy tờ chứng minh tài sản hợp pháp của tổ chức tôn giáo trực thuộc;

đ) Hiến chương, điều lệ hoặc các văn bản có nội dung tương tự của tổ chức tôn giáo trực thuộc.

*\*/ Khoản 2 Điều 9 Nghị định số 162/2017/NĐ-CP quy định thẩm quyền cấp đăng ký pháp nhân phi thương mại như sau:*

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp đăng ký pháp nhân phi thương mại cho tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ; trường hợp từ chối cấp đăng ký phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

b) Cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương cấp đăng ký pháp nhân phi thương mại cho tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh trong thời

hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ; trường hợp từ chối cấp đăng ký phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**36. Câu hỏi 36: Giải thể tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc được quy định như thế nào?**

**Đáp:**

*Theo quy định tại Điều 31 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016:*

1. Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc giải thể trong trường hợp sau đây:

- a) Theo quy định của hiến chương;
- b) Không hoạt động tôn giáo trong thời gian 01 năm kể từ ngày được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận hoặc chấp thuận việc thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất; ngừng hoạt động tôn giáo trong thời gian 01 năm liên tục;
- c) Hết thời hạn bị đình chỉ toàn bộ hoạt động tôn giáo mà không khắc phục được nguyên nhân dẫn đến việc bị đình chỉ.

2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận tổ chức tôn giáo có quyền giải thể tổ chức tôn giáo.

Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có quyền giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Khoản 3 Điều 29 của Luật này có quyền giải thể hoặc yêu cầu tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc trong các trường hợp quy định tại điểm b và điểm c Khoản 1 Điều này.

3. Trước khi giải thể, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc phải thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về tài sản. Tài sản



của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc bị giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có trách nhiệm thông báo về việc giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Khoản 3 Điều 29 của Luật này chậm nhất là 20 ngày kể từ ngày tổ chức tôn giáo trực thuộc bị giải thể.

4. Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục giải thể tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc.

**37. Câu hỏi 37: Hồ sơ đề nghị giải thể tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc theo quy định của hiến chương gồm những gì?**

**Đáp:**

*Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 162/2017/NĐ-CP quy định tổ chức tôn giáo tự giải thể hoặc tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc theo quy định của hiến chương có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Khoản 3 Điều này.*

Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị nêu rõ tên, trụ sở của tổ chức đề nghị; tên, trụ sở của tổ chức tôn giáo trực thuộc bị giải thể; lý do và dự kiến thời điểm giải thể;

b) Bản kê khai tài sản, tài chính;

c) Phương thức xử lý tài sản, tài chính và thời hạn thanh toán các khoản nợ (nếu có);

d) Danh sách tổ chức tôn giáo trực thuộc.

**38. Câu hỏi 38: Thẩm quyền chấp thuận giải thể tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc theo quy định của hiến chương được quy định như thế nào?**

**Đáp:**

*\*/ Khoản 3 Điều 10 Nghị định số 162/2017/NĐ-CP quy định thẩm quyền chấp thuận giải thể như sau:*

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận việc giải thể tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày hết thời hạn thanh toán các khoản nợ (nếu có) và thanh lý tài sản, tài chính ghi trong thông báo của tổ chức mà không có khiếu nại; trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

b) Cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương chấp thuận việc giải thể tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày hết thời hạn thanh toán các khoản nợ (nếu có) và thanh lý tài sản, tài chính ghi trong thông báo của tổ chức mà không có khiếu nại; trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

*\*/ Đối với tổ chức tôn giáo tự giải thể, thời điểm cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Khoản 3 Điều này chấp thuận cho tổ chức giải thể là thời điểm tổ chức phải nộp lại bản chính quyết định công nhận tổ chức tôn giáo; giấy chứng nhận của cơ quan công an về việc tổ chức đã nộp, hủy con dấu theo quy định (Khoản 4 Điều 10 Nghị định số 162/2017/NĐ-CP).*

**39. Câu hỏi 39: Trách nhiệm của tổ chức tôn giáo tự giải thể, tổ chức tôn giáo trực thuộc bị giải thể; tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc; tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc quản lý trực tiếp được quy định như thế nào?**

**Đáp:**

*\*/ Theo quy định tại Khoản 2 Điều 10 Nghị định số 162/2017/NĐ-CP:*

Tổ chức tôn giáo tự giải thể hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc bị giải thể có trách nhiệm thông báo thời hạn thanh toán các khoản nợ (nếu có) cho các tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định của pháp luật trên năm số báo viết hoặc báo điện tử liên tiếp ở trung ương đối với tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh, ở địa phương đối với tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh.

*\*/ Theo quy định tại Khoản 5 Điều 10 Nghị định số 162/2017/NĐ-CP:*

Đối với tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc, chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận việc giải thể, tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc có trách nhiệm giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc và nộp lại cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Khoản 3 Điều này các văn bản sau đây:

a) Bản chính văn bản chấp thuận thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b) Bản chính văn bản thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc của tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc quản lý trực tiếp;

c) Danh sách tổ chức tôn giáo trực thuộc thuộc tổ chức tôn giáo trực thuộc bị giải thể;

d) Giấy chứng nhận hoặc văn bản xác nhận của cơ quan công an về việc tổ chức tôn giáo trực thuộc giải thể đã nộp, hủy con dấu theo quy định.

*\*/ Theo quy định tại Khoản 6 Điều 10 Nghị định số 162/2017/NĐ-CP:*

Chậm nhất 20 ngày kể từ ngày tổ chức tôn giáo trực thuộc bị giải thể, tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc quản lý trực tiếp có trách nhiệm thông báo về việc giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Khoản 3 Điều này.

Văn bản thông báo nêu rõ tên, trụ sở, họ và tên người đại diện của tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc đề nghị; tên, trụ sở, họ và tên người đại diện của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc bị giải thể; thời điểm giải thể.

**40. Câu hỏi 40: Thông báo về việc giải thể đối với tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 31 của Luật được quy định như thế nào?**

## **Đáp:**

*\*/ Điểm b Khoản 1 Điều 31 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 quy định tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc giải thể trong trường hợp sau đây: “...b) Không hoạt động tôn giáo trong thời gian 01 năm kể từ ngày được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận hoặc chấp thuận việc thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất; ngừng hoạt động tôn giáo trong thời gian 01 năm liên tục”.*

*\*/ Khoản 1 Điều 11 Nghị định số 162/2017/NĐ-CP quy định về Thông báo giải thể đối với trường hợp này như sau:*

Trước 60 ngày dự kiến giải thể tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 31 của Luật, cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về việc giải thể tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về việc giải thể tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh cho tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc quản lý trực tiếp và tổ chức tôn giáo trực thuộc dự kiến bị giải thể.

Văn bản thông báo nêu rõ tên, trụ sở, họ và tên người đại diện của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc bị giải thể; cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc quản lý trực tiếp chịu trách nhiệm giải thể; lý do, dự kiến thời điểm giải thể.

**41. Câu hỏi 41: Thông báo về việc giải thể đối với tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc theo quy định tại**

**điểm c Khoản 1 Điều 31 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 được quy định như thế nào?**

**Đáp:**

*\*/ Điểm c Khoản 1 Điều 31 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 quy định tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc giải thể trong trường hợp sau đây: “...c) Hết thời hạn bị đình chỉ toàn bộ hoạt động tôn giáo mà không khắc phục được nguyên nhân dẫn đến việc bị đình chỉ”.*

*\*/ Khoản 1 Điều 11 Nghị định số 162/2017/NĐ-CP quy định về Thông báo giải thể đối với trường hợp này như sau:*

Trước 60 ngày dự kiến giải thể tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc theo quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 31 của Luật, cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về việc giải thể tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về việc giải thể tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh cho tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc quản lý trực tiếp và tổ chức tôn giáo trực thuộc dự kiến bị giải thể.

Văn bản thông báo nêu rõ tên, trụ sở, họ và tên người đại diện của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc bị giải thể; cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc quản lý trực tiếp chịu trách nhiệm giải thể; lý do, dự kiến thời điểm giải thể kèm theo kết luận của cơ quan nhà nước có chức năng thanh tra về tín ngưỡng, tôn giáo về việc tổ

chức không khắc phục được nguyên nhân dẫn đến bị đình chỉ toàn bộ hoạt động tôn giáo.

**42. Câu hỏi 42: Trách nhiệm trong thực hiện Thông báo giải thể tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc tại điểm b, điểm c Khoản 1 Điều 31 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 được quy định như thế nào?**

**Đáp:**

*Theo quy định tại Khoản 2, 3 Điều 11 Nghị định số 162/2017/NĐ-CP:*

- Trong thời hạn 50 ngày kể từ ngày cơ quan nhà nước có thẩm quyền thông báo về việc giải thể đối với trường hợp quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 31 của Luật, tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc quản lý trực tiếp có trách nhiệm gửi văn bản giải trình đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Khoản 1 Điều này.

Sau 10 ngày kể từ ngày hết thời hạn giải trình, nếu tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc bị giải thể không khắc phục được nguyên nhân dẫn đến việc bị giải thể thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền ra quyết định giải thể tổ chức tôn giáo hoặc yêu cầu tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc.

- Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày cơ quan nhà nước có thẩm quyền thông báo về việc giải thể đối với trường hợp quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 31 của Luật, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc bị giải thể có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về tài sản theo quy định của pháp luật về dân sự.

Hết thời hạn trên, cơ quan nhà nước có thẩm quyền ra quyết định giải thể tổ chức tôn giáo hoặc yêu cầu tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc.

**43. Câu hỏi 43: Trách nhiệm trong việc giải thể tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc tại điểm b, điểm c Khoản 1 Điều 31 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 được quy định như thế nào?**

**Đáp:**

*Theo quy định tại Khoản 4, 5 Điều 11 Nghị định số 162/2017/NĐ-CP:*

- Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Khoản 1 Điều này ra quyết định giải thể tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc; bãi bỏ và thu hồi các văn bản sau đây:

+ Quyết định công nhận tổ chức tôn giáo đối với trường hợp giải thể tổ chức tôn giáo;

+ Văn bản chấp thuận thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; văn bản thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc của tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc quản lý trực tiếp đối với trường hợp giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc;

+ Danh sách tổ chức tôn giáo trực thuộc.

- Trường hợp tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày có yêu cầu, tổ chức giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có trách



nhiệm nộp lại các văn bản và thông báo về việc giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc theo quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều 10 của Nghị định này.

**44. Câu hỏi 44: Trách nhiệm công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng về việc giải thể tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc được quy định như thế nào?**

**Đáp:**

*Điều 14 Nghị định số 162/2017/NĐ-CP quy định trách nhiệm công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng về việc giải thể tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, cơ sở đào tạo tôn giáo như sau:*

1. Việc giải thể tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, cơ sở đào tạo tôn giáo phải được công bố công khai trên ba số báo viết hoặc báo điện tử ở trung ương hoặc địa phương nơi có trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, cơ sở đào tạo tôn giáo trong thời hạn 15 ngày sau khi giải thể.

2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có quyền giải thể chịu trách nhiệm việc công bố theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

**45. Câu hỏi 45: Phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử chức sắc, chức việc được quy định như thế nào?**

**Đáp:**

*Điều 32 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 quy định về phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử chức sắc, chức việc như sau:*

1. Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc thực hiện việc phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử theo hiến chương của tổ chức tôn giáo.

2. Người được phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; không trong thời gian bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo; không có án tích hoặc không phải là người đang bị buộc tội theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự.

3. Việc phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử có yếu tố nước ngoài được thực hiện theo quy định tại Điều 51 của Luật này.

**46. Câu hỏi 46: Thông báo người được phong phẩm hoặc suy cử làm chức sắc được quy định như thế nào?**

**Đáp:**

*Điều 33 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 quy định về thông báo người được phong phẩm hoặc suy cử làm chức sắc như sau:*

1. Tổ chức tôn giáo có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương về người được phong phẩm hoặc suy cử làm hòa thượng, thượng tọa, ni trưởng, ni sư của Giáo hội Phật giáo Việt Nam; mục sư của các tổ chức Tin lành; phối sư trở lên của các Hội thánh Cao đài; giảng sư trở lên của Tịnh độ Cư sỹ Phật hội Việt Nam và các phẩm vị tương đương của tổ chức tôn giáo khác chậm nhất là 20 ngày kể từ ngày phong phẩm hoặc suy cử.

2. Đối với các trường hợp phong phẩm hoặc suy cử chức sắc không thuộc quy định tại Khoản 1 Điều này, tổ chức tôn giáo có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh nơi chức sắc cư trú và hoạt động tôn giáo chậm nhất là 20 ngày kể từ ngày phong phẩm hoặc suy cử.

3. Văn bản thông báo nêu rõ tên tổ chức tôn giáo, họ và tên, phẩm vị, địa bàn hoạt động, tóm tắt quá trình hoạt động tôn giáo kèm theo sơ yếu lý lịch, phiếu lý lịch tư pháp của chức sắc.

4. Trường hợp người được phong phẩm hoặc suy cử làm chức sắc không đáp ứng quy định tại Khoản 2 Điều 32 của Luật này, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có văn bản yêu cầu tổ chức tôn giáo hủy kết quả phong phẩm hoặc suy cử chức sắc.

Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu, tổ chức tôn giáo có trách nhiệm hủy kết quả phong phẩm hoặc suy cử chức sắc và có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về việc hủy kết quả phong phẩm hoặc suy cử đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này.

**47. Câu hỏi 47: Đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc được quy định như thế nào?**

**Đáp:**

*Điều 34 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 quy định về đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc như sau:*

1. Tổ chức tôn giáo trước khi bổ nhiệm, bầu cử, suy cử chức việc sau đây có trách nhiệm gửi hồ sơ đăng ký đến cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương:

a) Thành viên ban lãnh đạo tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động trong nhiều tỉnh;

b) Người đứng đầu tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động trong nhiều tỉnh;

c) Người đứng đầu cơ sở đào tạo tôn giáo.

2. Đối với các trường hợp không thuộc quy định tại Khoản 1 Điều này, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc trước khi thực hiện việc bổ nhiệm, bầu cử, suy cử chức việc có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị đến cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh nơi chức việc cư trú và hoạt động tôn giáo.

3. Tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo trước khi thực hiện việc bổ nhiệm, bầu cử, suy cử chức việc có trách nhiệm gửi hồ sơ đăng ký đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Khoản 3 Điều 19 của Luật này.

4. Hồ sơ đăng ký gồm:

a) Văn bản đăng ký nêu rõ họ và tên người được dự kiến bổ nhiệm, bầu cử, suy cử; phẩm vị, chức vụ, địa bàn phụ trách trước và sau khi được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử;

b) Sơ yếu lý lịch, phiếu lý lịch tư pháp của người được dự kiến bổ nhiệm, bầu cử, suy cử;

c) Bản tóm tắt quá trình hoạt động tôn giáo của người được dự kiến bổ nhiệm, bầu cử, suy cử.

5. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại các Khoản 1, 2 và 3 Điều này có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; trường hợp từ chối đăng ký phải nêu rõ lý do.

6. Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Khoản 1,

Khoản 2 Điều này và Khoản 3 Điều 19 của Luật này chậm nhất là 20 ngày kể từ ngày bổ nhiệm, bầu cử, suy cử.

7. Đối với người dự kiến lãnh đạo tổ chức quy định tại các Điều 19, 22, 29 và 38 của Luật này sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận chỉ thực hiện thông báo kết quả về người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử theo quy định tại Khoản 6 Điều này.

**48. Câu hỏi 48: Trình tự, thủ tục đăng ký làm chức sắc, chức việc cho công dân Việt Nam được phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử ở nước ngoài được quy định như thế nào?**

**Đáp:**

*Điều 18 Nghị định số 162/2017/NĐ-CP quy định trình tự, thủ tục đăng ký làm chức sắc, chức việc cho công dân Việt Nam được phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử ở nước ngoài như sau:*

1. Công dân Việt Nam được tổ chức tôn giáo nước ngoài phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử ở nước ngoài khi về Việt Nam làm chức sắc, chức việc thì tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc quản lý trực tiếp có trách nhiệm gửi hồ sơ đăng ký đến cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương. Hồ sơ đăng ký gồm:

a) Văn bản đăng ký nêu rõ tên, trụ sở của tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc; họ và tên, địa bàn phụ trách, phẩm vị, chức vụ của người được đăng ký ở nước ngoài và ở Việt Nam;

b) Sơ yếu lý lịch, phiếu lý lịch tư pháp của người được đăng ký;

c) Bản tóm tắt quá trình hoạt động tôn giáo ở nước ngoài của người được đăng ký;

d) Văn bản chứng minh phạm vi, chức vụ, địa bàn hoạt động của người được phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử ở nước ngoài.

2. Cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đăng ký hợp lệ; trường hợp từ chối đăng ký phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Công dân Việt Nam đăng ký làm chức sắc, chức việc được hoạt động tôn giáo theo phạm vi, chức vụ sau khi được cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương chấp thuận việc đăng ký.

**49. Câu hỏi 49: Thuyên chuyển chức sắc, chức việc, nhà tu hành được quy định như thế nào?**

**Đáp:**

*Điều 35 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 quy định về thuyên chuyển chức sắc, chức việc, nhà tu hành như sau:*

1. Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc trước khi thuyên chuyển chức sắc, chức việc, nhà tu hành có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh nơi đi và nơi đến chậm nhất là 20 ngày.

Văn bản thông báo nêu rõ tên tổ chức thông báo, họ và tên, phạm vi, chức vụ của người được thuyên chuyển, lý do thuyên chuyển, địa bàn hoạt động tôn giáo trước khi thuyên chuyển, địa bàn hoạt động sau khi được thuyên chuyển đến.

2. Trước khi chuyển chức sắc, chức việc, nhà tu hành là người đang bị buộc tội hoặc chưa được xóa án tích, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có trách nhiệm gửi văn bản đăng ký đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi dự kiến chuyển chức đến.

Văn bản đăng ký nêu rõ tên tổ chức đăng ký, họ và tên, phẩm vị, chức vụ của người được chuyển, lý do chuyển, địa bàn hoạt động tôn giáo trước khi chuyển, địa bàn hoạt động sau khi được chuyển đến.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đăng ký; trường hợp từ chối đăng ký phải nêu rõ lý do.

**50. Câu hỏi 50: Cách chức, bãi nhiệm chức sắc, chức việc được quy định như thế nào?**

**Đáp:**

*Điều 36 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 quy định về cách chức, bãi nhiệm chức sắc, chức việc như sau:*

1. Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc cách chức, bãi nhiệm chức sắc, chức việc theo hiến chương của tổ chức.

2. Chậm nhất là 20 ngày kể từ ngày có văn bản về việc cách chức, bãi nhiệm chức sắc, chức việc, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 33, Khoản 1 và Khoản 2 Điều 34 của Luật này.

Văn bản thông báo nêu rõ họ và tên, phẩm vị, chức vụ của người bị cách chức, bãi nhiệm; lý do cách chức, bãi nhiệm

kèm theo văn bản của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc về việc cách chức, bãi nhiệm.

3. Tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có trách nhiệm thông báo bằng văn bản theo quy định tại Khoản 2 Điều này đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Khoản 3 Điều 19 của Luật này.

**51. Câu hỏi 51: Mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo được quy định như thế nào?**

**Đáp:**

*Điều 41 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 quy định về mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo như sau:*

1. Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc mở lớp bồi dưỡng người chuyên hoạt động tôn giáo có trách nhiệm gửi văn bản đăng ký đến cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh nơi mở lớp. Văn bản đăng ký nêu rõ tên lớp, địa điểm, lý do, thời gian học, nội dung, chương trình, thành phần tham dự, danh sách giảng viên.

Cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đăng ký hợp lệ; trường hợp từ chối đăng ký phải nêu rõ lý do.

2. Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo không thuộc quy định tại Khoản 1 Điều này có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi mở lớp chậm nhất là 20 ngày trước ngày khai giảng. Văn bản thông báo nêu rõ tên lớp, địa điểm, lý do, thời



gian học, nội dung, chương trình, thành phần tham dự, danh sách giảng viên.

Trường hợp việc mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo có hành vi quy định tại Điều 5 của Luật này, Ủy ban nhân dân cấp huyện có văn bản yêu cầu tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc không tổ chức hoặc dừng việc mở lớp bồi dưỡng.

## **52. Câu hỏi 52: Việc thông báo danh mục hoạt động tôn giáo được quy định như thế nào?**

**Đáp:**

*Điều 43 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 quy định:*

1. Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về danh mục hoạt động tôn giáo diễn ra hằng năm chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày được công nhận, chấp thuận hoặc được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo theo quy định sau đây:

a) Tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã gửi thông báo đến Ủy ban nhân dân cấp xã;

b) Tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện gửi thông báo đến Ủy ban nhân dân cấp huyện;

c) Tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều huyện thuộc một tỉnh gửi thông báo đến cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh;

d) Tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều tỉnh gửi thông báo đến cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương.

2. Văn bản thông báo nêu rõ tên tổ chức, tên các hoạt động tôn giáo, thời gian, địa điểm diễn ra hoạt động.

3. Việc thông báo danh mục hoạt động tôn giáo diễn ra hằng năm chỉ thực hiện một lần. Đối với hoạt động tôn giáo không có trong danh mục đã thông báo thì người đại diện tổ chức có trách nhiệm thông báo bổ sung theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này chậm nhất là 20 ngày trước khi diễn ra hoạt động.

**53. Câu hỏi 53: Hội nghị của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc được quy định như thế nào?**

**Đáp:**

*Điều 44 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 quy định Hội nghị của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc như sau:*

1. Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc tổ chức hội nghị thường niên có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Khoản 3 Điều 45 của Luật này chậm nhất là 20 ngày trước ngày tổ chức hội nghị.

Văn bản thông báo nêu rõ tên tổ chức; dự kiến thành phần, số lượng người tham dự; nội dung, chương trình, thời gian, địa điểm tổ chức hội nghị.

2. Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc tổ chức hội nghị liên tôn giáo, hội nghị có yếu tố nước ngoài có trách nhiệm gửi văn bản đề nghị đến cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương. Văn bản đề nghị nêu rõ tên tổ chức; lý do tổ chức; dự kiến thành phần, số lượng người tham dự; nội dung, chương trình, thời gian, địa điểm tổ chức hội nghị.

Cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 45

ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị hợp lệ; trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do.

**54. Câu hỏi 54: Hồ sơ đề nghị cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo gồm những gì?**

**Đáp:**

*Khoản 1,2 Điều 45 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 quy định:*

Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo trước khi tổ chức đại hội có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Khoản 3 Điều này.

Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị nêu rõ tên tổ chức; lý do tổ chức; dự kiến thành phần, số lượng người tham dự; nội dung, chương trình, thời gian, địa điểm tổ chức đại hội;

b) Báo cáo tổng kết hoạt động của tổ chức;

c) Dự thảo hiến chương hoặc hiến chương sửa đổi (nếu có).

**55. Câu hỏi 55: Thẩm quyền chấp thuận tổ chức Đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo được quy định như thế nào?**

**Đáp:**

*Khoản 3 Điều 45 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 quy định thẩm quyền chấp thuận tổ chức Đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo như sau:*

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm trả lời bằng văn bản đối với việc tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một huyện trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do;

b) Cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh có trách nhiệm trả lời bằng văn bản đối với việc tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở nhiều huyện thuộc một tỉnh trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do;

c) Đối với việc tổ chức đại hội không thuộc quy định tại điểm a và điểm b Khoản 3 Điều này, cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do.

**56. Câu hỏi 56: Cuộc lễ, giảng đạo ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp được quy định như thế nào?**

**Đáp:**

*Điều 46 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 quy định về cuộc lễ, giảng đạo ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp như sau:*

1. Trước khi tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có trách nhiệm gửi văn bản đề nghị đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Khoản 3 Điều này.

Văn bản đề nghị nêu rõ tên tổ chức đề nghị, tên cuộc lễ, người chủ trì, nội dung, chương trình, thời gian, địa điểm thực hiện, quy mô, thành phần tham dự cuộc lễ.

2. Trước khi giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký, chức sắc, chức việc, nhà tu hành có trách nhiệm gửi văn bản đề nghị đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Khoản 3 Điều này.

Văn bản đề nghị nêu rõ họ và tên người đề nghị, nội dung, lý do, chương trình, thời gian, địa điểm thực hiện, thành phần tham dự.

3. Thẩm quyền chấp thuận tổ chức cuộc lễ, giảng đạo ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp:

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về việc tổ chức cuộc lễ, giảng đạo có quy mô tổ chức ở một huyện trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị hợp lệ; trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do;

b) Cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh nơi dự kiến tổ chức cuộc lễ, giảng đạo có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về việc tổ chức cuộc lễ, giảng đạo có quy mô tổ chức ở nhiều huyện thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị hợp lệ; trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do.

4. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền nơi tổ chức cuộc lễ, giảng đạo có trách nhiệm hỗ trợ bảo đảm an ninh, trật tự cho cuộc lễ, giảng đạo.

**57. Câu hỏi 57: Sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam được quy định như thế nào?**

**Đáp:**

*Điều 47 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 quy định về sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam như sau:*

1. Người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam có nhu cầu sinh hoạt tôn giáo tập trung tại cơ sở tôn giáo hoặc tại địa điểm hợp pháp khác gửi hồ sơ đề nghị đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có cơ sở tôn giáo hoặc địa điểm dự kiến sinh hoạt tôn giáo tập trung.

2. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị nêu rõ họ và tên, quốc tịch, tôn giáo của người đại diện; lý do, thời gian, nội dung sinh hoạt, số lượng người tham gia, cơ sở tôn giáo hoặc địa điểm dự kiến sinh hoạt;

b) Bản sao có chứng thực giấy tờ chứng minh việc cư trú hợp pháp tại Việt Nam của người đại diện;

c) Văn bản đồng ý của người đại diện cơ sở tôn giáo hoặc giấy tờ chứng minh có địa điểm hợp pháp để sinh hoạt tôn giáo tập trung.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do.

**58. Câu hỏi 58: Hoạt động tôn giáo, hoạt động quan hệ quốc tế về tôn giáo của tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam được quy định như thế nào?**

## **Đáp:**

*Điều 48 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 quy định về hoạt động tôn giáo, hoạt động quan hệ quốc tế về tôn giáo của tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam như sau:*

1. Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc trước khi mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào Việt Nam để thực hiện các hoạt động tôn giáo, hoạt động quan hệ quốc tế về tôn giáo có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Khoản 3 Điều này.

2. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị nêu rõ tên tổ chức mời; tên tổ chức, cá nhân được mời; mục đích, nội dung các hoạt động; danh sách khách mời; dự kiến chương trình, thời gian và địa điểm tổ chức;

b) Bản giới thiệu tóm tắt các hoạt động chủ yếu của tổ chức, cá nhân nước ngoài;

c) Văn bản chứng minh chức danh hoạt động tôn giáo của người được mời.

3. Thẩm quyền chấp thuận hoạt động tôn giáo, hoạt động quan hệ quốc tế về tôn giáo của tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam:

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về việc mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào Việt Nam để thực hiện các hoạt động tôn giáo ở một tỉnh trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do;

b) Cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về việc mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào Việt Nam để thực hiện hoạt động tôn giáo ở nhiều tỉnh hoặc hoạt động quan hệ quốc tế về tôn giáo trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do.

4. Tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài đến giảng đạo có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này.

5. Nhóm người nước ngoài sinh hoạt tôn giáo tập trung mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài đến giảng đạo có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị theo quy định tại Khoản 2 Điều này đến cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương.

Cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do.

6. Trong quá trình giảng đạo, chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài phải tôn trọng quy định của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo ở Việt Nam và tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam.

**59. Câu hỏi 59: Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 quy định như thế nào về người nước ngoài học tại cơ sở đào tạo tôn giáo ở Việt Nam?**



### **Đáp:**

*Điều 49 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 quy định về người nước ngoài học tại cơ sở đào tạo tôn giáo ở Việt Nam như sau:*

1. Người nước ngoài học tại cơ sở đào tạo tôn giáo ở Việt Nam phải là người cư trú hợp pháp ở Việt Nam, tuân thủ pháp luật Việt Nam, tự nguyện đăng ký học và được cơ sở đào tạo tôn giáo gửi hồ sơ đề nghị đến cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương.

2. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị nêu rõ tên cơ sở đào tạo tôn giáo; họ và tên, quốc tịch của người đăng ký học, khóa học, thời gian học;

b) Bản dịch hộ chiếu của người đăng ký học sang tiếng Việt có công chứng.

c) Cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do.

**60. Câu hỏi 60: Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 quy định như thế nào về tham gia hoạt động tôn giáo, đào tạo tôn giáo ở nước ngoài?**

### **Đáp:**

*Điều 50 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 quy định về tham gia hoạt động tôn giáo, đào tạo tôn giáo ở nước ngoài như sau:*

1. Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc trước khi cử chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ tham gia hoạt động tôn giáo, đào tạo tôn giáo ở nước ngoài có trách nhiệm gửi hồ sơ đề

ngợi đến cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương.

2. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị nêu rõ tên tổ chức, mục đích, chương trình, thời gian, địa điểm hoạt động tôn giáo, đào tạo tôn giáo ở nước ngoài;

b) Giấy mời hoặc văn bản chấp thuận tham gia hoạt động tôn giáo, đào tạo của tổ chức tôn giáo ở nước ngoài.

3. Cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do.

**61. Câu hỏi 61: Phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử có yếu tố nước ngoài được quy định như thế nào?**

**Đáp:**

*Điều 51 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 quy định về phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử có yếu tố nước ngoài như sau:*

1. Phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử có yếu tố nước ngoài bao gồm các trường hợp sau đây:

a) Tổ chức tôn giáo Việt Nam phong phẩm hoặc suy cử phẩm vị cho người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam;

b) Tổ chức tôn giáo nước ngoài phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử cho công dân Việt Nam ở Việt Nam.

2. Người được đề nghị phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều 32 của Luật này. Người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam

được đề nghị phong phẩm hoặc suy cử phẩm vị còn phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Được đào tạo tôn giáo tại cơ sở đào tạo tôn giáo ở Việt Nam;

b) Tuân thủ pháp luật Việt Nam.

3. Việc phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử có yếu tố nước ngoài quy định tại Khoản 1 Điều này phải được sự chấp thuận trước của cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương.

4. Công dân Việt Nam được tổ chức tôn giáo nước ngoài phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử ở nước ngoài khi về Việt Nam làm chức sắc, chức việc thì tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc quản lý trực tiếp có trách nhiệm đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương.

5. Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục chấp thuận, đăng ký việc phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử có yếu tố nước ngoài quy định tại Điều này.

**62. Câu hỏi 62: Trình tự, thủ tục chấp thuận việc phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử có yếu tố nước ngoài ở Việt Nam được quy định như thế nào?**

**Đáp:**

*Điều 17 Nghị định số 162/2017/NĐ-CP quy định trình tự, thủ tục chấp thuận việc phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử có yếu tố nước ngoài ở Việt Nam như sau:*

1. Tổ chức tôn giáo có tín đồ là công dân Việt Nam được tổ chức tôn giáo nước ngoài dự kiến phong phẩm, bổ nhiệm, bầu

cử, suy cử làm chức sắc, chức việc ở Việt Nam có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị đến cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương.

Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị nêu rõ tên, trụ sở của tổ chức tôn giáo đề nghị; tên, trụ sở của tổ chức tôn giáo nước ngoài; lý do đề nghị; họ và tên của người được đề nghị; phẩm vị, chức vụ, địa bàn phụ trách trước và sau khi được phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử;

b) Bản tóm tắt quá trình hoạt động tôn giáo của người được dự kiến phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử;

c) Sơ yếu lý lịch, phiếu lý lịch tư pháp của người được dự kiến phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử.

2. Tổ chức tôn giáo ở Việt Nam phong phẩm hoặc suy cử phẩm vị cho người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị đến cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương.

Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị nêu rõ tên, trụ sở của tổ chức tôn giáo; lý do đề nghị; họ và tên, phẩm vị (nếu có), quốc tịch của người được đề nghị; phẩm vị được đề nghị;

b) Bản tóm tắt quá trình hoạt động tôn giáo của người được đề nghị;

c) Bằng tốt nghiệp do cơ sở đào tạo tôn giáo ở Việt Nam cấp;

d) Bản sao hộ chiếu, bản chính hoặc bản sao có chứng thực phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản xác nhận người được đề nghị

không phải là người phạm tội hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp, đã được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên theo nguyên tắc có đi có lại. Trường hợp người được đề nghị đã cư trú ở Việt Nam trên 06 tháng liên tục phải có thêm bản chính phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam cấp.

3. Cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về việc phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ; trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Người được phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử có yếu tố nước ngoài chưa được cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương chấp thuận thì không được sử dụng chức danh đó để hoạt động tôn giáo ở Việt Nam.

**63. Câu hỏi 63: Hoạt động quan hệ quốc tế của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ; tiếp nhận tài trợ của tổ chức, cá nhân nước ngoài được quy định như thế nào?**

**Đáp:**

*\*/ Điều 52 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 quy định về hoạt động quan hệ quốc tế của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ như sau:*

1. Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ thực hiện các hoạt động quan hệ quốc tế theo hiến chương của tổ chức tôn giáo phù hợp với pháp luật Việt Nam.

2. Khi thực hiện các hoạt động quan hệ quốc tế, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ phải tuân thủ pháp luật Việt Nam và pháp luật của quốc gia có liên quan.

*\*/ Điều 20 Nghị định số 162/2017/NĐ-CP quy định về tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc tiếp nhận tài trợ của tổ chức, cá nhân nước ngoài như sau: Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc tiếp nhận tài trợ của tổ chức, cá nhân nước ngoài để hỗ trợ hoạt động đào tạo, bồi dưỡng về tôn giáo cho người chuyên hoạt động tôn giáo; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới cơ sở tôn giáo; tổ chức cuộc lễ tôn giáo; xuất bản, nhập khẩu kinh sách, đồ dùng tôn giáo thì thực hiện theo quy định của Chính phủ về quản lý, sử dụng viện trợ không hoàn lại.*

**64. Câu hỏi 64: Việc gia nhập tổ chức tôn giáo nước ngoài được quy định như thế nào?**

**Đáp:**

*Điều 53 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 quy định về gia nhập tổ chức tôn giáo nước ngoài như sau:*

1. Trước khi gia nhập tổ chức tôn giáo nước ngoài, tổ chức tôn giáo có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị đến cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương.

2. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị nêu rõ tên tổ chức tôn giáo, mục đích, thời điểm gia nhập; tên, hiến chương, tôn chỉ, mục đích hoạt động, trụ sở chính của tổ chức tôn giáo nước ngoài;

b) Văn bản chấp thuận hoặc văn bản mời gia nhập của tổ chức tôn giáo nước ngoài.

3. Cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do.

4. Khi chấm dứt tham gia tổ chức tôn giáo nước ngoài, tổ chức tôn giáo có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương chậm nhất là 20 ngày kể từ ngày chấm dứt.

Văn bản thông báo nêu rõ tên tổ chức tôn giáo, tên tổ chức tôn giáo nước ngoài đã gia nhập, lý do chấm dứt, thời điểm bắt đầu chấm dứt.

**65. Câu hỏi 65: Hoạt động xuất bản, sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm; hoạt động giáo dục, y tế, bảo trợ xã hội, từ thiện, nhân đạo được quy định như thế nào?**

**Đáp:**

*\*/ Điều 54 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 quy định về hoạt động xuất bản, sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm như sau: Được thực hiện hoạt động xuất bản kinh sách và xuất bản phẩm khác về tín ngưỡng, tôn giáo; sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm tín ngưỡng, tôn giáo, đồ dùng tôn giáo*

theo quy định của pháp luật về xuất bản và quy định khác của pháp luật.

*Điều 55 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 quy định về hoạt động giáo dục, y tế, bảo trợ xã hội, từ thiện, nhân đạo như sau: Được tham gia các hoạt động giáo dục, đào tạo, y tế, bảo trợ xã hội, từ thiện, nhân đạo theo quy định của pháp luật có liên quan.*

**66. Câu hỏi 66: Hoạt động quyền góp của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc được quy định như thế nào?**

**Đáp:**

*\*/ Điều 19 Nghị định số 162/2017/NĐ-CP quy định về hoạt động quyền góp của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc như sau:*

1. Cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc tổ chức quyền góp để thực hiện hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo và từ thiện xã hội trên cơ sở tự nguyện của tổ chức, cá nhân trong nước theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Người đại diện hoặc ban quản lý cơ sở tín ngưỡng; tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Khoản 3 Điều này về việc tổ chức quyền góp, trong đó nêu rõ mục đích, địa bàn, cách thức, thời gian quyền góp; phương thức quản lý và sử dụng tài sản được quyền góp.

3. Thẩm quyền tiếp nhận thông báo:

a) Trước khi tổ chức quyền góp 05 ngày làm việc, cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có trách



nhiệm thông báo bằng văn bản đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tổ chức quyên góp đối với trường hợp quyên góp trong địa bàn một xã;

b) Trước khi tổ chức quyên góp 10 ngày, cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi tổ chức quyên góp đối với trường hợp quyên góp ngoài địa bàn một xã nhưng trong địa bàn một huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương;

c) Trước khi tổ chức quyên góp 15 ngày, cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức quyên góp đối với trường hợp quyên góp không thuộc quy định tại điểm a, điểm b Khoản 3 Điều này.

4. Hoạt động quyên góp của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc phải có sổ sách thu, chi bảo đảm công khai, minh bạch. Tài sản được quyên góp phải được quản lý, sử dụng đúng mục đích đã thông báo, phục vụ cho hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo và từ thiện xã hội.

5. Không được lợi dụng danh nghĩa cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc để quyên góp nhằm trục lợi hoặc trái mục đích quyên góp.

6. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận thông báo có trách nhiệm kiểm tra việc thực hiện các nội dung theo quy định tại Khoản 4 và Khoản 5 Điều này.

**67. Câu hỏi 67: Việc quản lý, sử dụng tài sản của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo; quản lý, sử dụng đất cơ sở tín ngưỡng, cơ sở tôn giáo được quy định như thế nào?**

**Đáp:**

*\*/ Điều 56 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 quy định việc quản lý, sử dụng tài sản của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo như sau:*

1. Tài sản của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo bao gồm tài sản được hình thành từ đóng góp của thành viên tổ chức; quyên góp, tặng cho của tổ chức, cá nhân hoặc các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

2. Tài sản của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo phải được quản lý, sử dụng đúng mục đích và phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Cơ sở tín ngưỡng, cơ sở tôn giáo được hình thành theo tập quán, do các thành viên của cộng đồng cùng nhau đóng góp, quyên góp, được tặng cho chung hoặc từ các nguồn khác phù hợp với quy định của pháp luật nhằm phục vụ nhu cầu tín ngưỡng, tôn giáo của cộng đồng là tài sản thuộc sở hữu chung của cộng đồng.

4. Việc chuyển đổi, chuyển nhượng, tặng cho, cho thuê, thế chấp, góp vốn tài sản bằng quyền sử dụng đất thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

5. Chính phủ quy định chi tiết việc tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc tiếp nhận và quản lý các khoản tài trợ

của tổ chức, cá nhân nước ngoài; việc quyên góp của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc.

*\*/ Điều 57 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 quy định: Đất cơ sở tín ngưỡng, đất cơ sở tôn giáo được quản lý và sử dụng theo quy định của pháp luật về đất đai.*

**68. Câu hỏi 68: Việc cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới, di dời công trình tín ngưỡng, công trình tôn giáo, công trình phụ trợ được quy định như thế nào?**

**Đáp:**

*\*/ Điều 58 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 quy định về cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới công trình tín ngưỡng, công trình tôn giáo như sau:*

1. Việc cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới công trình tín ngưỡng, công trình tôn giáo được thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng.

2. Việc cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới công trình phụ trợ thuộc cơ sở tín ngưỡng, cơ sở tôn giáo thực hiện như quy định của pháp luật về xây dựng đối với các công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa, cách mạng.

3. Việc tu bổ, phục hồi cơ sở tín ngưỡng, cơ sở tôn giáo là di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xếp hạng; việc cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới công trình phụ trợ thuộc các cơ sở này thực hiện theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa và pháp luật về xây dựng.

*\*/ Điều 16 Nghị định số 162/2017/NĐ-CP quy định việc cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới công trình tín ngưỡng, công trình tôn giáo, công trình phụ trợ như sau:*

1. Việc cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới công trình phụ trợ thực hiện theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 58 của Luật.

2. Khi cải tạo, lắp đặt thiết bị bên trong công trình tín ngưỡng, công trình tôn giáo không phải là di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xếp hạng mà không làm thay đổi kết cấu chịu lực, không làm thay đổi công năng sử dụng, không làm ảnh hưởng tới môi trường, an toàn công trình thì được miễn giấy phép xây dựng.

*\*/ Điều 59 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 quy định về di dời công trình tín ngưỡng, công trình tôn giáo như sau:*

Việc di dời công trình tín ngưỡng, công trình tôn giáo vì mục đích quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội, vì lợi ích quốc gia, công cộng thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật về xây dựng.

**69. Câu hỏi 69: Khiếu nại, tố cáo, khởi kiện về tín ngưỡng, tôn giáo được quy định như thế nào?**

**Đáp:**

*\*/ Điều 63 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 quy định khiếu nại, tố cáo, khởi kiện về tín ngưỡng, tôn giáo như sau:*

1. Người đại diện, ban quản lý cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ và các tổ chức, cá nhân khác có quyền lợi và nghĩa

vụ liên quan có quyền khiếu nại, khởi kiện vụ án hành chính, khởi kiện vụ án dân sự, yêu cầu giải quyết việc dân sự tại Tòa án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Cá nhân có quyền tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo. Việc giải quyết tố cáo vi phạm pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo thực hiện theo quy định của pháp luật về tố cáo.

*\*/ Khoản 2 Điều 15 Nghị định số 162/2017/NĐ-CP quy định về quyền khiếu nại của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, cơ sở đào tạo tôn giáo khi bị giải thể như sau:*

Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, cơ sở đào tạo tôn giáo bị giải thể theo quy định tại Điều 11 và Điều 13 của Nghị định này không đồng ý với quyết định giải thể của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì có quyền khiếu nại theo quy định của pháp luật về khiếu nại. Trong thời gian chờ giải quyết khiếu nại, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, cơ sở đào tạo tôn giáo không được thực hiện hoạt động tôn giáo, hoạt động đào tạo tôn giáo.

**70. Câu hỏi 70: Hành vi vi phạm pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo bị xử lý như thế nào?**

**Đáp:**

*Điều 64 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 quy định xử lý vi phạm pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo như sau:*

1. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo hoặc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để vi phạm

pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Căn cứ quy định của Luật này và Luật xử lý vi phạm hành chính, Chính phủ quy định hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với từng hành vi vi phạm hành chính; thẩm quyền xử phạt, mức phạt cụ thể và thẩm quyền lập biên bản đối với hành vi vi phạm hành chính; chế độ áp dụng các biện pháp xử lý hành chính trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo.

**71. Câu hỏi 71: Cán bộ, công chức vi phạm pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo khi thi hành công vụ bị xử lý như thế nào?**

**Đáp:**

*Điều 65 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 quy định:*

Cán bộ, công chức có hành vi vi phạm pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo khi thi hành công vụ thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật đối với hành vi vi phạm sau đây:

1. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm trái quy định của Luật này và pháp luật có liên quan;

2. Thiếu trách nhiệm trong quản lý để xảy ra vi phạm pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo;

3. Vi phạm quy định về trình tự, thủ tục hành chính trong quản lý nhà nước đối với hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo.

**72. Câu hỏi 72: Tiếp nhận hồ sơ về tín ngưỡng, tôn giáo được quy định như thế nào?**

**Đáp:**

*Điều 23 Nghị định số 162/2017/NĐ-CP quy định về tiếp nhận hồ sơ như sau:*

1. Tổ chức, cá nhân khi thực hiện trình tự, thủ tục hành chính theo quy định của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo và Nghị định này có trách nhiệm gửi trực tiếp, qua đường bưu chính hoặc thông qua dịch vụ công trực tuyến 01 bộ hồ sơ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải có giấy hẹn trả kết quả. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ theo đúng quy định. Thời gian hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời hạn trả lời./.

---

**HỎI - ĐÁP**  
**PHÁP LUẬT VỀ TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO**

---

**Chịu trách nhiệm xuất bản**  
**TRẦN NAM PHONG**  
PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ NỘI VỤ

**Biên soạn**  
**TRẦN THỊ HẢI HÀ**  
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG SỞ NỘI VỤ

**Sửa bản in**  
Văn phòng Sở Nội vụ tỉnh Tuyên Quang

---

In 4.055 cuốn, khổ 14 x 20 cm, tại Công ty TNHH In và Thương mại Trần Gia. Giấy phép xuất bản số 54/STTTT-GP do Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 02 tháng 8 năm 2018. In xong và nộp lưu chiểu tháng 8 năm 2018./.